TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 31/8/2022
V/v "*Tranh chấp về kinh doanh thương mại do vi phạm hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Hoàng Rung K' Nhơn**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - bà **Nguyễn Thị Hiền**
- bà: **Nguyễn Thị Bé**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Hoàng Thị Thanh** – Cán bộ Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa*: - Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-KDTM ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp về KDTM do vi phạm hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST – KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D**- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy q uyền: Ông **Đỗ Thành T** – Chức vụ Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý.

Theo Văn bản ủy quyền số: 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Người nhận ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn Linh và ông Kiều Quang H.**

Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Tầng 1, số 69 Cao Thắng, phường 4, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Theo Văn bản ủy quyền số: 8456/2021/UQ-PGĐ ngày 24/01/2022 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Ông Linh vắng mặt, ông Huy có mặt.

Bị đơn: **Công ty TNHH B.**

Địa chỉ: QL 27, thôn T, xã Đạ K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Xuân T** – Chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Xuân T**; Sinh năm: 1960

Bà **Nguyễn Thị B**; Sinh năm: 1963

Địa chỉ: C133 tổ 2, khu phố 3, phường L, Tp. B, tỉnh Đồng Nai.

Tất cả điều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì:**

Công ty TNHH B có vay vốn của VPB theo Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/21310 ngày 21/6/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số QN2/20029 ngày 28/4/2020 với tổng số tiền nhận nợ là 9,863,000,000 đồng, theo Khế ước nhận nợ như sau:

* Khế ước nhận nợ số: EVG/21310-01 ngày 21/6/2021 Số tiền vay: 7.500.000.000 đồng, Thời hạn vay: 06 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, Lãi suất và các kỳ trả nợ như sau:

- Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 10.9%/năm. Lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 21/7/2021.

- Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn tại thời điểm điều chỉnh + 4.5%/năm.

- Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần vào ngày 21/12/2021.

- Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 15, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/7/2021.

* Khế ước nhận nợ số: QN2/20029-09 ngày 22/02/2021 thì Số tiền vay là 766.600.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh

- Lãi suất và các kỳ trả nợ:

- Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 14.9%/năm. Lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 22/3/2021. Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn tại thời điểm điều chỉnh + 8.1%/năm.

- Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 20, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 30/3/2021. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 64.000.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 62.600.000 đồng.

- Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 20, kỳ trả nợ đồng tiên vào ngày 20/3/2021.

* Khế ước nhận nợ số: QN2/20029-10 ngày 24/3/2021, Số tiền vay: 830.600.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

- Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 14.9%/năm. Lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 24/4/2021.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn tại thời điểm điều chỉnh + 8.1%/năm.

- Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 20, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 20/4//2021. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 70.000.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 60.600.000 đồng.

- Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 20, kỳ trả nợ đồng tiên vào ngày 20/4/2021.

* Khế ước nhận nợ số:QN2/20029-11 ngày 17/4/2021. Số tiền vay: 830.600.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh

- Lãi suất và các kỳ trả nợ:

- Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 16%/năm. Lãi suất được cố định trong 01 tháng đầu và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 17/5/2021.

- Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn tại thời điểm điều chỉnh + 8.1%/năm.

- Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 20, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 20/5//2021. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 64.000.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 61.800.000 đồng.

- Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 20, kỳ trả nợ đồng tiên vào ngày 20/5/2021.

Ngoài ra, Công ty TNHH B có dư nợ khoản thẻ tín dụng mở tại VPB theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/01/2020 với tổng hạn mức là 350.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ông Nguyễn Xuân T, ông Nguyễn Xuân T, bà Phạm Thị B và Công ty TNHH B đã thế chấp tại VPBank tài sản là các Quyền sử dụng đất và Hàng hóa, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 734, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại địa chỉ: xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 907m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO984433, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CS01228 do Sở TNMT tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/8/2018 cho ông Nguyễn Xuân T.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại địa chỉ: xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 799m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số SM193094, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CT00264 QH16A96 do Sở TNMT tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2018 cho ông Nguyễn Xuân T.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124+146, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại địa chỉ: Thôn 2, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 3.667m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 239434, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CS01005 do Sở TNMT tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 04/11/2016 cho ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Thị B

- Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng theo quy định tại 03 (ba) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 08/01/2020 (bao gồm các phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp) đã được Phòng Công chứng số 01 tỉnh Lâm Đồng xác nhận và đăng ký thế chấp theo luật định.

- Toàn bộ hàng hóa của Công ty TNHH B bao gồm: Xăng Ron 92, xăng Ron 95, dầu DO và các loại nhớt. Giá trị hàng hóa tối thiểu phải đảm bảo tỷ lệ sau: Dư nợ cho

vay/giá trị hàng tồn kho tối thiểu 1.820.000.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp số 01-2021/HDTCTS/VPB-HAP ngày 31/05/2021 giữa VPBank và Công ty TNHH B.

- Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Xuân T theo các Hợp đồng bảo lãnh sau:

- Hợp đồng bảo lãnh số EGV/21310/HDBL ngày 21/6/2021;
- Hợp đồng bảo lãnh số QN2/20029/HDBL ngày 28/01/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH B đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 20/7/2021. VPBank đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty TNHH B, người bảo lãnh khoản vay để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm nhưng Công ty TNHH B và người liên quan cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Đến ngày 01/08/2022, Công ty TNHH B đã thanh toán cho VPB số tiền sau:

- Nợ gốc : 898,861,388 đồng
- Nợ lãi : 146,057,473 đồng
- Phạt : 0 đồng
- Tổng cộng : 1,044,918,861 đồng

(Chi tiết các ngày trả nợ được liệt kê tại bảng kê tính lãi ngày 01/08/2022)

Tính đến hết ngày 01/08/2022, Công ty TNHH B còn nợ tại VPBank số tiền sau:

- Nợ gốc : 8,964,138,612 đồng
- Nợ lãi quá hạn : 1.599.709.515 đồng
- Lãi phạt : 88.732.975 đồng
- Nợ thẻ : 335.229.319 đồng
- Tổng cộng : 10.987.810.421 đồng

Ngân hàng TMCP VPB yêu cầu Công ty TNHH TNHH B buộc phải trả ngay một lần cho VPB tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 01/08/2022 Tổng cộng là : 10.987.810.421 đồng

Ngoài ra, kể từ ngày 02/08/2022, Công ty TNHH B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho VPB thì ông Nguyễn Xuân T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH B theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký với VPB, cụ thể:

- Hợp đồng bảo lãnh số EGV/21310/HDBL ngày 21/6/2021;
- Hợp đồng bảo lãnh số QN2/20029/HDBL ngày 28/01/2020.

Ngoài yêu cầu trên phía Ngân hàng VPPBank không trình bày và yêu cầu gì thêm.

*** Theo bản tự khai, ý kiến trình bày của người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Xuân T tại phiên tòa hôm nay thì:**

Việc vay vốn giữa Công ty với Ngân hàng đúng như Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, trong năm 2020 Ngân hàng đã 3 lần chuyển đơn vị quản lý đối với Công ty từ Ngân hàng VP bank quận 2 sang VPB Thủ Đức sau đó sang VPB Gò Vấp. Từ những lần

chuyển đổi trên đã gây khó khăn cho Công ty trong việc vận hành vốn, ảnh hưởng việc kinh doanh của Công ty.

Do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh nên việc kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng chung cùng với nền kinh tế cả nước. Đến tháng 7 năm 2021, VPB đã đóng tài khoản của doanh nghiệp, dẫn đến việc triển khai các hoạt động tài chính bị gián đoạn, các khoản thanh toán của khách hàng cho Công ty đều bị treo. Như vậy việc quá hạn của Công ty đối với Ngân hàng do yếu tố dịch bệnh và yếu tố khách quan đến từ phía Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP VPB khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B phải trả số tiền 10.987.810.421 đồng, Công ty có ý kiến như sau:

- Công ty TNHH B chỉ đồng ý thanh toán số tiền gốc 8.964.138.612 đồng, do trong quá trình giải ngân Ngân hàng đã chuyển qua cho 3 Ngân hàng khác gây ảnh hưởng đến việc kinh doanh của Công ty, do tình hình dịch bệnh Công ty kinh doanh không có lãi nên Công ty đề nghị Ngân hàng miễn lãi phạt cho Công ty.

- Về thời hạn trả nợ, do Công ty đang triển khai phương án kinh doanh mới nên cần thời gian và vốn để đầu tư, vì vậy Công ty TNHH B đề nghị Ngân hàng TMCP VPB tạo điều kiện cho Công ty TNHH B thời gian 3 tháng để tất toán khoản nợ trên theo yêu cầu của Ngân hàng.

- Do Công ty TNHH B không có lỗi nên Công ty sẽ không chịu án phí kinh doanh thương mai sơ thẩm cũng như bất kỳ chi phí tố tụng nào.

* **Theo biên bản lấy lời khai và trình bày của người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông Nguyễn Xuân T, bà Phạm Thị B tại phiên tòa hôm nay thì:**

Ông bà hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Xuân Thắng.

Ngoài ra ông bà không trình bày ý kiến gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc trả nợ vay, nợ lãi, nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn phía Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đồng yêu cầu Công ty TNHH B phải trả tiền lãi phát sinh từ 01/8/2022 đến hết ngày 31/8/2022 vớ tổng nợ gốc lãi là 11.160.209959. Bị đơn Công ty TNHH B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ chấp nhận trả nợ gốc, và khoản tiền lãi xuất từ tháng 3/2022 trở lại đây, còn khoản tiền lãi xuất từ tháng 2/2022 trở về trước, do tình hình dịch bệnh Covid 19 bùng phát Công ty TNHH B không kinh doanh được, nên đề nghị phía Ngân hàng miễn lải cho công ty TNHH B, đối với khoản tiền án phí và chi phí tố tụng Công ty TNHH B không có lỗi, nên không đồng ý nộp án phí và ch phí tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, còn những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa tuân theo quy

định của Bộ luật tố tụng, cụ thể là cố tình vắng mặt khi Tòa án triệu tập đến tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án và đường lối xử lý vụ án: Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng: Vệc công ty TNHH B và người có quyền lợi nghiã vụ lên quan ông T, bà B thế chấp vay Tiền tại Ngân hàng TMCP VPB là có. Trong quá trình vay, tính đến hết ngày 01/08/2022, Công ty TNHH B còn nợ tại VPB số tiền sau: Nợ gốc 8,964,138,612 đồng. Nợ lãi quá hạn là 1.599.709.515 đồng; nơ Lãi phạt là 88.732.975 đồng. Nợ thể là 335.229.319 đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và nợ lãi là10.987.810.421 đồng. Đại diện Công ty TNHH B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận có nợ số tiền gốc lãi nêu trên. Như vậy phía Ngân hàng TMCP VPB yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy Đại Diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía Ngân Hàng TMCP VPB. Buộc Công ty TNHH B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T, bà B phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP VPB Về án phí và chi phí tố tụng buộc Công ty TNHH B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền gải quyết vụ án**: Công ty TNHH B có vay vốn của VPB theo Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/21310 ngày 21/6/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số QN2/20029 ngày 28/4/2020 với tổng số tiền nhận nợ là 9,863,000,000 đồng. Trong quá trình vay phía Công ty TNHH B, người đại diện là ông Nguyễn Xuân T còn nợ lại tiền gốc là 8,964,138,612 đồng. Nợ lãi và Nợ thẻ Tổng cộng là 11.160.209.959 đồng . Khoản nợ trên đã quá hạn, nhưng Công ty TNHH B không chịu trả nợ. Mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu công ty TNHH B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao tài sản thế chấp để Ngân hàng phát mãi thanh lý nợ, nhưng công ty TNHH B không thực hiện nghĩa vụ. Do đó Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu buộc Công ty TNHH B, người đại diện là ông Nguyễn Xuân T phải trả nợ cho ngân hàng, gồm: Toàn bộ số tiền nợ và tiền lãi gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tạm tính đến ngày 31/8/2022 là là 11.160.209.959 đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 30, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội Đồng xét xử xác định đây là vụ kiện tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

[2]. Về Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng TMCP VPB với Công ty TNHH B người đại diện là ông Nguyễn Xuân T, Hội đồng xét xử nhận định: Hai bên đều thừa nhận các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức là hoàn toàn tự nguyên nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào

mục đích nhằm thu lợi nhuận. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng thế chấp. Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ông Nguyễn Xuân T, ông Nguyễn Xuân T, bà Phạm Thị B và Công ty TNHH B đã thế chấp tại VPB tài sản là các Quyền sử dụng đất và Hàng hóa, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 734, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại địa chỉ: xã Đạ K'Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 907m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO984433, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CS01228 do Sở TNMT tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/8/2018 cho ông Nguyễn Xuân T.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại địa chỉ: xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 799m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số SM193094, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CT00264 QH16A96 do Sở TNMT tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2018 cho ông Nguyễn Xuân T.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124+146, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại địa chỉ: Thôn 2, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 3.667m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 239434, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CS01005 do Sở TNMT tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 04/11/2016 cho ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Th B

Xét Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng theo quy định tại 03 (ba) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 08/01/2020 (bao gồm các phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp) đã được Phòng Công chứng số 01 tỉnh Lâm Đồng xác nhận và đăng ký thế chấp theo luật định.

- Toàn bộ hàng hóa của Công ty TNHH B bao gồm: Xăng Ron 92, xăng Ron 95, dầu DO và các loại nhớt. Giá trị hàng hóa tối thiểu phải đảm bảo tỷ lệ sau: Dư nợ cho vay/giá trị hàng tồn kho tối thiểu 1.820.000.000 đồng. Theo Hợp đồng thế chấp số 01-2021/HDTCTS/VPB-HAP ngày 31/05/2021 giữa VPBank và Công ty Hải Âu Phát.

Sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do vậy hợp đồng thế chấp là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3]. **Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP VPB**: Hội đồng xét xử nhận định: Từ các chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định: Công ty TNHH B có vay vốn tại VPB theo Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/21310 ngày 21/6/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số QN2/20029 ngày 28/4/2020 với tổng số tiền nhận nợ là 9,863,000,000 đồng, theo Khế ước nhận nợ như sau: Khế ước nhận nợ số: EVG/21310-01 ngày 21/6/2021 Số tiền vay: 7.500.000.000 đồng. Khế ước nhận nợ số: QN2/20029-09 ngày 22/02/2021 thì Số tiền vay là 766.600.000 đồng. Khế ước nhận nợ số: QN2/20029-10 ngày 24/3/2021, Số tiền vay: 830.600.000 đồng. Khế ước nhận nợ số:QN2/20029-11 ngày 17/4/2021. Số tiền vay: 830.600.000 đồng. Ngoài ra, Công ty

TNHH B có dư nợ khoản thẻ tín dụng mở tại VPB theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/01/2020 với tổng hạn mức là 350.000.000 đồng. Trong quá trình vay phía Công ty TNHH B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi, nợ gốc theo như thỏa thuận. Tính đến ngày 31/8/2022, tổng số nợ gốc và lãi mà Công ty TNHH B còn nợ ngân hàng là: 11.160.209.959 đồng. Công ty TNHH B người đại diện là ông Nguyễn Xuân T và người có quyền lợi nghã vụ liên quan là ông T bà B cũng thừa nhận số tiền nợ gốc, lãi như ý kiến của nguyên đơn. Tuy nhiên trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, phía bị đơn đề nghị phía Ngân Hàng cho trả nợ gốc theo nhiều giai đoạn và giảm khoản tiền lãi, còn phía nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả nợ nhiều lần và cũng không đồng ý giảm lãi theo yêu cầu của bị đơn. Từ đó có cơ sở xác định rằng yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VPB là hoàn toàn có cơ sở. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 275, các điều 463, 466, 468, 357, 292, 293, 298, 307, 317, 318, 319, 320 và 322 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Công TNHH B, người đại diện là ông Nguyễn Xuân T và vợ chồng ông Nguyễn Xuân T, bà Phạm thị B phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lã chậm trả, lãi phạt và tiền nợ thể là 11.160.209.959 đồng. Đồng thời kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản nợ trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Trường hợp Công ty TNHH B không trả được nợ cho ngân hàng VPB thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp gồm Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 734, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại địa chỉ: xã Đạ K, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 907m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO984433, Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại địa chỉ: xã Hòa N, huyện Di L, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 799m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số SM193094. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124+146, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại địa chỉ: Thôn 2, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 3.667m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 239434 để ngân hàng phát mãi thu hồi nợ.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn Công ty TNHH B, người đại diện là ông Nguyễn Xuân T phải chịu toàn bộ án phí KDTM sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Như vậy tổng số tiền án phí KDTM sơ thẩm mà Công ty TNHH B, người đại diện là ông Nguyễn Xuân T phả nộp là 119.160.209.000đ.

[5] Về Chi phí tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, đồng thờ nguyên đơn đã nộp

tạm ứng chi phí này. Xét thấy thấy việc xem xét thẩm định tại chỗ là cần thiết co vệc giải quyết vụ án, đồng thời yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, nên chi phí tố tụng bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng 1 Điều 275, các điều 463, 466, 468, 357, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322 và 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPB. Buộc Công ty TNHH B, người đại diện là ông Nguyễn Xuân T và vợ chồng ông Nguyễn Xuân T, bà Phạm Thị B có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng VPB tổng số tiền là 11.160.209.959 đồng (Mười một tỉ một trăm sáu mươi triệu đồng hai trăm lẻ chín ngàn chin trăm năm mươi chín đồng). Trong đó Nợ gốc là 8,964,138,612 đồng. Nợ lãi quá hạn và lãi phạt là 1.861.944.464 đồng. Nợ thẻ là 335.229.319 đồng .

Kể từ ngày 01/9/2022 Công ty TNHH Bngười đạ diện là ông Nguyễn Xuân T tiếp tục chịu lãi suất theo lãi suất của hợp đồng tín dụng đã ký trên số tiền nợ gốc 8,964,138,612 cho đến khi thi hành khoản tiền trên.

2. Về tài sản thế chấp: Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 734, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại địa chỉ: xã Đạ K, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 907m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO984433, Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại địa chỉ: xã Hòa N, huyện Di L, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 799m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số SM193094. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 124+146, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại địa chỉ: Thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng với tổng diện tích 3.667m2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 239434.

3: Để đảm bảo cho công tác Thi hành án: Kể từ ngày Ngân hàng TMCP VPB có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty THNH B, người đại diện là ông Nguyễn Xuân T, vợ chồng ông T, bà B không thanh toán hết số tiền trên thì Công ty THNH B và ông Nguyễn Xuân T, bà Phạm Thị B phải có trách nhiệm giao tài sản đã thế chấp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng kê biên xử lý thi hành án theo quy định của pháp luật về Thi hành án

4. Về án phí: Buộc Công ty TNHH B Người Đại diện là ông Nguyễn Xuân T phải nộp 119.160.209đ án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng VPB số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 59.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0006142 ngày 24/3/2022 của chi cục thi hành án huyện Đam Rông.

5. Về Chi phí Tố tụng: Buộc Công ty TNHH B phải trả lại cho Ngân Hàng VPB 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/8/2022) để yêu cầu Tóa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng (02 bản);*
- *VKSND huyện Đam Rông (01 bản);*
- *Các đương sự (02 bản);*
- *Chi cục THA.DS huyện Đam Rông(01 bản);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Hoàng Rung K’ Nhơn